

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS TỈNH THANH HOÁ Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST Ngày: 25 - 12 - 2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
--	---

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐS TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tân
- Các Hội thẩm nhân dân:*
- Ông Lê Mậu Hoàn
- Bà Lê Thị Thanh
- Thư ký phiên toà:** Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.
- Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐS, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hữu Á; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.
- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1991; nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.
- Tại phiên toà có mặt anh Anh, chị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/06/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu Á trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là thị trấn R), huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/12/2014. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 01/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách làm ăn, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ

nhau. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 01/2023 cho đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu là Nguyễn Hữu Duy H1, sinh ngày 15/07/2015 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 03/03/2018. Hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh và chị H tại khu phố X, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Duy H1, chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Bảo N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh Ánh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ánh đã có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay anh Ánh làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hữu Duy H1, sinh ngày 15/7/2015 và Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 03/3/2018. Nếu ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu và yêu cầu anh Ánh cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu mỗi tháng là 2.500.000 đồng, cả 02 cháu là 5.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); anh Ánh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, chị H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho anh Nguyễn Hữu Á được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Giao cháu Nguyễn Hữu Duy H1, sinh ngày 15/07/2015 cho anh Ánh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 03/03/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị H lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị H vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Á và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2014 tại UBND xã Đ (nay là thị trấn R), huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, việc vợ chồng mâu thuẫn không báo cáo chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được (*Biên bản xác minh ngày 30/10/2023*). Chị H cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ anh Ánh, chị H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Ánh được ly hôn chị H.

[3] Về con cái: Anh Ánh và chị H có 02 con chung, anh Ánh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy H1, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu. Nguyên vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, cháu Duy H1 có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, chị H trình bày anh Ánh có việc ngoại tình nhưng không chứng minh được lời trình bày của mình, anh Ánh và chị H đều không chứng minh được thu nhập và khả năng tài chính của mình, cháu Bảo N còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, cả vợ chồng và con cái đều đang ở nhờ nhà ông bà nội. Giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng mỗi cháu là phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện thực tế. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh Ánh, giao cháu Nguyễn Hữu Duy H1, sinh ngày 15/07/2015 cho anh Ánh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 03/03/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Anh Ánh, chị H không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Ánh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Hữu Á được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Hữu Duy H1, sinh ngày 15/07/2015 cho anh Ánh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hữu Bảo N, sinh ngày 03/03/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Ánh, chị H có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Á phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐS, theo biên lai số AA/2022/0006210 ngày 14/07/2023. Anh Ánh đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Ánh, vắng mặt chị H, anh Ánh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Á có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT Rừng Thông;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân**

Thẩm phán - Chủ tọa

phiên toà

Lê Mậu Hoàn

Lê Thị Thanh

Nguyễn Thanh Tân